

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HS-ST

Ngày: 19-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Lương

Ông Nguyễn Đại Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Đ, sinh ngày 17 tháng 6 năm 1993 tại Hải Phòng. Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã P, huyện N, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố H, phường C, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức C, sinh năm: 1959 và bà Lê Thị T, sinh năm: 1963; vợ, con: chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/10/2018 cho đến ngày 18/12/2018. (Có mặt).

*** Người bị hại:** Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm: 1972

Nơi cư trú: Thôn Â, xã U, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 04/7/2018, Nguyễn Đ đi ngang trường mầm non Hoa Cúc ở tổ dân phố H, phường C, thành phố V; Đ thấy khu vực để xe của trường không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ treo qua tường đến khu vực để xe. Đ thấy xe mô tô biển số 79C1-33344 của chị

Nguyễn Thị Hồng P, có gắn chìa khóa nên Đ lấy chìa khóa mở cốp xe lấy số tiền 6.000.000 đồng (gồm 12 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng) rồi bỏ đi. Sau đó, Đ gửi số tiền trên cho Nguyễn Đức O cất giữ.

Đối với Nguyễn Đức O có hành vi giữ số tiền 6.000.000 đồng do Nguyễn Đ gửi nhưng O không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Đ về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đ. Xử phạt bị cáo Đ 06-09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Trong hồ sơ thể hiện, người bị hại bà Nguyễn Thị Hồng P đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Tòa án không xét.

Ý kiến của bị cáo Đ: Đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 13 giờ 30 ngày 04/7/2018, tại trường mầm non Hoa Cúc ở tổ dân phố H, phường C, thành phố V; Đ có hành vi lén lút lợi dụng sự sơ hở của bà P trong việc quản lý tài sản trộm cắp số tiền 6.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Đ có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, cáo trạng số 50/CT-VKS-HS ngày 02/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Đ về điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý, sở hữu tài sản của người khác là một trong những khách thể quan trọng được Luật hình bảo vệ, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoài nghi lẫn nhau cho những người xung quanh. Do đó, cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong hồ sơ và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại;

phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người công dân tốt cho gia đình, xã hội và không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Trong hồ sơ thể hiện, người bị hại bà Nguyễn Thị Hồng P đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên Tòa án không xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đ phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đ phạm tội: **“Trộm cắp tài sản”**.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đ cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo, nếu thay đổi nơi cư trú thì được thi hành theo Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Trong hồ sơ thể hiện, người bị hại bà Nguyễn Thị Hồng P đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên Tòa án không xét.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đ phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án sơ thẩm.

5. Hội đồng xét xử đã giải thích điều kiện hưởng án treo cho bị cáo.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p V;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Công an t.p V;
- CCTHADS t.p V;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Lê Thị Hồng Công